

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu T- Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Tân Bình 4, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Ông Lương Châu P - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Tân B, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Thu T và ông Lương Châu P.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T và ông Lương Châu P thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung.

Giao con chung Lương Châu V, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2007 và Lương Châu Bảo N, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2012 cho ông Lương Châu P trực tiếp nuôi dưỡng. (cháu Lương Châu V và Lương Châu Bảo N hiện nay đang sống cùng ông Lương Châu P).

Bà Võ Thị Thu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với ông Lương Châu P số tiền là 1.000.000 đồng/ 01 cháu/ tháng (một triệu đồng, một cháu, một tháng) cho

đến khi cháu V và cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 04 năm 2020.

Bà Võ Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P thỏa thuận tự giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.4. Về án phí: Bà Võ Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002359 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện B. Bà Võ Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Đ;
- CCTHADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Điện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thái Điền

